

Cao Bằng, ngày 15 tháng 01 năm 2025

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 26 (huyện Nguyên Bình)

Môn: Phần F.I - Nghiên cứu thực tế

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Hoàng Việt Anh	8,25	Tám phẩy hai năm	26	Triệu Thị Nghệ	8,25	Tám phẩy hai năm
2	Phùng Thị Bình	8,75	Tám phẩy bảy năm	27	Triệu Ích Nghị	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Hà Ngọc Châm	8,25	Tám phẩy hai năm	28	Ma Thị Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
4	Lương Thành Chung	8,75	Tám phẩy bảy năm	29	Lê Thị Nhung	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Hà Văn Công	8,75	Tám phẩy bảy năm	30	Hà Thị Nương	8,25	Tám phẩy hai năm
6	Bàn Tuấn Cư	8,75	Tám phẩy bảy năm	31	Triệu Sành On	8,25	Tám phẩy hai năm
7	Hoàng Thị Cúc	8,50	Tám phẩy năm	32	Lý Tiến Phi	8,25	Tám phẩy hai năm
8	Triệu Tồn Đại	8,25	Tám phẩy hai năm	33	Bàn Đức Phong	8,25	Tám phẩy hai năm
9	Nông Thị Diễm	8,25	Tám phẩy hai năm	34	Nông Đức Quang	8,25	Tám phẩy hai năm
10	Nông Thị Bích Diệp	8,25	Tám phẩy hai năm	35	Lãnh Thị Ngọc Quyên	8,25	Tám phẩy hai năm
11	Phan Tiến Dũng	9,00	Chín	36	Phan Thị Quyên	8,25	Tám phẩy hai năm
12	Chu Minh Đức	8,75	Tám phẩy bảy năm	37	Bàn Thị Sao	8,25	Tám phẩy hai năm
13	Lê Quang Đức	8,75	Tám phẩy bảy năm	38	Bàn Phụ Siêu	8,75	Tám phẩy bảy năm
14	Nông Đức Duy	9,00	Chín	39	Bàn Văn Sơn	8,25	Tám phẩy hai năm
15	Vi Thị Hằng	8,25	Tám phẩy hai năm	40	Đỗ Văn Thắng	8,25	Tám phẩy hai năm
16	Lý Thị Hiền	8,25	Tám phẩy hai năm	41	Đặng Thị Thanh	8,25	Tám phẩy hai năm
17	Triệu Thị Hoa	9,00	Chín	42	Nông Thị Thiết	8,50	Tám phẩy năm
18	Trương Quang Huân	8,25	Tám phẩy hai năm	43	Tăng Đức Toàn	8,75	Tám phẩy bảy năm
19	Lãnh Thu Hường	8,25	Tám phẩy hai năm	44	Đào Thị Trang	9,00	Chín
20	Phùng Trọng Hữu	8,75	Tám phẩy bảy năm	45	Hoàng Văn Tuấn	8,25	Tám phẩy hai năm
21	Trần Thị Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm	46	Trần Văn Tuyền	8,75	Tám phẩy bảy năm
22	Bàn Quỳ Kinh	9,00	Chín	47	Nông Thị Thanh Tuyền	9,00	Chín

		Điểm				Điểm	
23	Chu Thị Mến	8,25	Tám phẩy hai năm	48	Hoàng Thị Tuyết	8,25	Tám phẩy hai năm
24	Đặng Mùi Mui	8,25	Tám phẩy hai năm	49	Hoàng Nông Trọng Văn	8,25	Tám phẩy hai năm
25	Chu Thị Nền	8,25	Tám phẩy hai năm	50	Đặng Tiến Tân	8,25	Tám phẩy hai năm

Điểm 8,25: 33 điểm; Điểm 8,50: 01 điểm; Điểm 8,75: 11 điểm; Điểm 9,00: 05 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG





Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa